| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN LẠC**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2018/HNGĐ- ST
Ngày 27 - 9 - 2018
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Minh Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Nguyễn Hải ba

2/ Ông Hoàng Văn Khảm

- ***Thư ký phiên tòa***: Vũ Văn Tiệp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thịnh Thùy- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 " V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu 2, thôn Đ, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu 5, thôn Đ, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn Tòa án nhận được ngày 30/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh C kết hôn với nhau ngày 19/2/2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện Y. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh C sống ly thân với nhau từ cuối năm 2015 cho đến

nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh thừa nhận về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng như chị M trình bày. Nhưng anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị M nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tại phiên tòa, anh C đồng ý ly hôn theo đề nghị của chị M.

Về con chung: Anh C và chị M thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 22/12/2004 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08/7/2008, hiện nay các cháu đang ở cùng anh C. Ly hôn, anh C và chị M đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Nguyễn Đức Q và cháu Nguyễn Ngọc K trình bày: Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản có cho vay, khoản nợ, đất canh tác: Anh C và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Về con chung đề nghị giao cho chị M trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08/7/2008; giao cho anh C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 22/12/2004.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị M và anh C là vợ chồng, chị M có đơn đề nghị ly hôn, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là "Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2]. Về tình cảm: Chị M và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị M trình bày là do vợ chồng không tin tưởng nhau, không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh C nên đề nghị được ly hôn, anh C cũng đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị M là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh C và chị M đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 22/12/2004 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08/7/2008, hiện nay các cháu đang ở cùng anh C. Anh C và chị M đều đề nghị được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Quân và Kiên đều có nguyện vọng được ở vơi chị M.

[4]. Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Để bảo đảm quyền lợi ích chính đáng của các cháu, nên cần giao cho chị M trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08/7/2008; giao cho anh C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 22/12/2004 là phù hợp. Do chị M và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh C và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh C và chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn C.

2/ Về con chung: Giao cho chị M trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08/7/2008; giao cho anh C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 22/12/2004. Anh C và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0000444 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

***Nơi nhận:***
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự ( Để thi hành);
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Tuấn**

| Các Hội thẩm nhân dân | | Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà |
|---|---|---|
| **Bùi Văn Tám** | **Nguyễn Thị Huân** | **Hoàng Minh Tuấn** |

***Nơi nhận:***
- Viện Kiểm sát nhân dân  huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Minh Tuấn**